

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1173/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v Tranh chấp tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Hoan
2. Ông Lê Giáo.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2014/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc “Tranh chấp tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3358/2018/QĐXXST-DS ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc), sinh năm 1944.

Địa chỉ: 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1982, địa chỉ: 16 Lô B, KTDC, Phường PL, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền ngày 5/12/2013) - Có mặt.

Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim F, sinh năm 1943.

Địa chỉ: 89/15 X, Phường 17, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: bà Trần Thị Mộng Đ, sinh năm 1974, địa chỉ: 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2014) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Quang V, thuộc Đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Phương A, sinh năm 1965.
2. Ông Trần Mỹ Lộc B, sinh năm 1969.
3. Ông Trần Mỹ C, sinh năm 1971 - Có mặt.

Cùng địa chỉ: 120/20 TH, Phường 15, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, ông B: Ông Trần Mỹ C (Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2015) - Có mặt.

4. Trần Mỹ I, sinh năm 1963. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 1757-31 Ave-Ln-Ne Hickory-Nc 28601, Hoa Kỳ.

5. Bà Trần Thị Bích E. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 3 Hepburn Way Caroline Springs Vic 3023, Úc.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1962.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc U, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: 105 Lô B, chung cư TQD, Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 - Có mặt.

Địa chỉ: 214/11 VK, Phường 3, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 105 Lô B, chung cư TQD, Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Nguyễn Mạnh Z, sinh năm 1969. (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 78 NH, Phường 6, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 105 Lô B, chung cư TQD, Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 8 Panamount Rise N W Calgary AB TBK 6B6 Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của của bà G, bà U; ông N; ông X, bà G: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964, địa chỉ: 214/11 VK, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Các Văn bản ủy quyền ngày 13/03/2015, ngày 24/01/2015 và ngày 10/8/2016) - Có mặt.

13. Bà Trần Thị Mai J, sinh năm 1970.

14. Bà Trần Thị Mai P, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Bà Trần Thị Mộng O, sinh năm 1974 - Có mặt.

Địa chỉ: 89/15 X, Phường 17, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Bà Trần Thị Mộng Y, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 1155 Dudash CT, San Jose, CA 95112, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà J, P, Y: Bà Trần Thị Mộng O (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2014) - Có mặt.

17. Bà Trần Thị Ánh Q, sinh năm 1948 - Có mặt.

Địa chỉ: 73/58 X, Phường 17, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2014 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Nguồn gốc nhà ở, đất ở tại địa chỉ 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Trần Văn R và bà Nguyễn Thị W lúc sinh thời tạo lập. Ông Trần Văn R chết ngày 03/01/1951 và bà Nguyễn Thị R chết ngày 10/3/1994. Ông R và bà W không để lại di chúc. Ông Trần Văn R và bà Nguyễn Thị W có những người con chung sau: ông Trần Văn Th, chết năm 1973 (người thừa kế là Trần Thị Phương A, Trần Mỹ Lộc B, Trần Mỹ C, Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E); bà Trần Thị Ph, chết năm 1976 (người thừa kế là bà Nguyễn Thị Ngọc G, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh N, ông Nguyễn Mạnh Z, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim S); ông Trần Hữu H1, chết năm 1993 (người thừa kế là Bà Ngô Thị Kim J cùng các con (của bà J với ông Trần Hữu H1) là Trần Thị Mai J, Trần Thị Mai P, Trần Thị Mộng O, Trần Thị Mộng Y); ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc), sinh năm 1944; bà Trần Thị Ánh Q, sinh năm 1948. Tài sản nhà đất này đã được kê khai di sản và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở do bà Trần Thị Ánh Q là đại diện thừa kế đứng tên.'

Mặc dù trong gia đình đã nhiều lần bàn bạc về việc chia tài sản đối với nhà đất nêu trên nhưng không thống nhất được ý kiến. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ 89/15 X, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cho 05 người con của ông Xét và bà Lập, mỗi người được nhận 1/5 tổng giá trị nhà đất nêu trên. Nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận giá trị, không có yêu cầu nhận nhà, đất.

Nguyên đơn đồng ý giá trị nhà đất tại địa chỉ 89/15 X, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.672.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mộng Đ trình bày:

Bà đồng ý với nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất, giá trị nhà đất và các đồng thừa kế của ông R, bà W. Tuy nhiên, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tỉ lệ chia tài sản vì bị đơn quản lý tài sản đã lâu, có công sức tu sửa, giữ gìn nhà đất. Bị đơn đề nghị chia tài sản tranh chấp thành 06 phần, bị đơn hưởng 02 phần trong đó có 01 phần là công sức tu sửa, bảo quản, giữ gìn nhà đất. Bị đơn nhận hiện vật và sẽ trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người 1/6 tổng giá trị tài sản.

Bị đơn đồng ý giá trị nhà đất như kết quả thẩm định giá là 3.672.000.000 đồng.

Ông Trần Mỹ C, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh Z và bà Trần Thị Mộng Đ là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và đề nghị chia tài sản theo tỉ lệ nêu trên của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ánh Q trình bày: Tài sản nhà ở, đất ở nêu trên bà đại diện đứng tên cho 5 anh chị em. Bà đồng ý với ý kiến trình bày và đề nghị chia tài sản theo tỉ lệ nêu trên của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án về thỏa thuận của các đương sự như sau:

Tài sản là nhà ở, đất ở tại số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002, là tài sản chung của các con cụ Xét và cụ Lập gồm 5 người là các ông bà Trần Văn Th, Trần Thị Ph, Trần Hữu H1, Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc) và Trần Thị Ánh Q. Thống nhất xác định giá trị của nhà và đất là 3.672.000.000 đồng. Chia 6 phần cho 5 người con của cụ Xét, cụ Lập mỗi người hưởng 1 phần, còn 1 phần là công sức đã đóng góp bảo quản duy tu tài sản của bị đơn Ngô Thị Kim J và các con của bà J và ông Trần Hữu H1;

Cụ thể thỏa thuận chia như sau: Giao tài sản là nhà đất số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Trần Thị Mộng Đ nhận và bà Đ phải chịu trách nhiệm trả cho 4 người còn lại mỗi người 1/6 giá trị tài sản bằng số tiền là 612.000.000 đồng, cụ thể trả cho:

1. Những người thừa kế của ông Trần Văn Th là: Trần Thị Phương A, Trần Mỹ Lộc B, Trần Mỹ C, Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E.

2. Những người thừa kế của bà Trần Thị E là: bà Nguyễn Thị Ngọc G, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh N, ông Nguyễn Mạnh Z, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim S.

3. Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc).

4. Bà Trần Thị Ánh Q.

Ngay khi bà Trần Thị Mộng Đ trả đủ tiền cho 4 sở hữu chung nêu trên, bà Trần Thị Ánh Q phải giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002 do bà Trần Thị Ánh Q đại diện thừa kế đứng tên, cho bà Trần Thị Mộng Q. Bà Trần Thị Mộng Q được quyền liên hệ cơ quan chức năng để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất này.

Trường hợp trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Bà Trần Thị Mộng Q không thực hiện trả đủ số tiền trên thì buộc bà Ngô Thị Kim J, Trần Thị Mai J, Trần Thị Mai P, Trần Thị Mộng Đ, Trần Thị Mộng Y (và những người đang cư trú ở nhà đất này tại thời điểm thi hành án nếu có) phải giao nhà đất số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan thi hành án thực hiện thủ tục bán đấu giá tài sản theo quy định chung về thi hành án. Số tiền thu được, sau khi chi trả các khoản chi phí theo quy định pháp luật, sẽ được chia làm 06 phần cho: Bà Ngô Thị Kim J cùng các con (của bà J với ông Trần Hữu H1) là Trần Thị Mai J, Trần Thị Mai P, Trần Thị Mộng Đ, Trần Thị Mộng Y hưởng 2/6; Những người thừa kế của ông Trần Văn Th là Trần Thị Phương A, Trần Mỹ Lộc B, Trần Mỹ C, Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E hưởng 1/6; Những người thừa kế của bà Trần Thị Ph là bà Nguyễn Thị Ngọc G, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh N, ông Nguyễn Mạnh Z, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim S hưởng 1/6; Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc) hưởng 1/6; Bà Trần Thị Ánh Q hưởng 1/6. Trường hợp này bà Trần Thị Ánh Q phải giao bản chính Giấy chứng nhận quyền

sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002 do bà Trần Thị Ánh Q đại diện thừa kế đứng tên, cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành bản án.

Chi phí tố tụng: 17.696.304 đồng do nguyên đơn đã tạm ứng, nay 4 sở hữu chung nêu trên (gồm Những người thừa kế của ông Trần Văn Th; Những người thừa kế của bà Trần Thị Ph; Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc); Bà Trần Thị Ánh Q) mỗi suất phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.539.200 đồng (làm tròn số).

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được đảm bảo.

Về nội dung: Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật, đề nghị ghi nhận trong bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án thụ lý vụ án ngày 20/5/2014, do đó áp dụng pháp luật điều chỉnh nội dung mối quan hệ tranh chấp là Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các giấy tờ tài liệu liên quan tài sản tranh chấp, có cơ sở xác định: Nguồn gốc tài sản nhà đất tại số 89/15 X, Phường 17, quận PN do cụ Trần Văn R và Nguyễn Thị W tạo lập. Cụ R chết năm 1959, cụ W chết năm 1994, cả hai cụ sinh thời đều không để lại di chúc. Cha, mẹ của cụ R và cụ W đều chết trước hai cụ và hai cụ có 5 người con chung là Trần Văn Th, Trần Thị Ph, Trần Hữu H1, Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc) và Trần Thị Ánh Q. Tài sản nhà đất tại số 89/15 X, Phường 17, quận PN đã được các đồng thừa kế của cụ R, cụ W kê khai và được Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở vào ngày 04/12/2002. (Do bà Trần Thị Ánh Q là đại diện thừa kế, hồ sơ gốc số 1378/2002). Như vậy di sản của cụ R và cụ W đã được các đồng thừa kế kê khai, đứng tên giấy chứng nhận nên đã là tài sản chung. Người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản là bà Ngô Thị Kim J, là vợ, cùng các con của bà ông Trần Hữu H1.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự đã tự thỏa thuận đối với những vấn đề có tranh chấp và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Các đương sự gồm Trần Ngọc L, Ngô Thị Kim J và Trần Thị Ánh Q là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận miễn án phí cho ông L, bà F và bà Q.

[5] Quyền kháng cáo: Đối với đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, không có người đại diện, nhưng đã có kết quả trả lời theo thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn kháng cáo là một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 37, 228, 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 170, 224 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tài sản là nhà ở, đất ở tại số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002, nguồn gốc do cụ Trần Văn R (chết năm 1959) và Nguyễn Thị W (chết năm 1994) tạo lập, là tài sản chung của các ông bà Trần Văn Th, Trần Thị Ph, Trần Hữu H1, Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc) và Trần Thị Ánh Q.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

Tài sản là nhà ở, đất ở tại số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002, là tài sản chung của các con cụ Xét và cụ Lập gồm 5 người là các ông bà Trần Văn Th, Trần Thị Ph, Trần Hữu H1, Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc) và Trần Thị Ánh Q. Thống nhất xác định giá trị của nhà và đất là 3.672.000.000 đồng. Chia 6 phần cho 5 người con của cụ R, cụ W mỗi người hưởng 1 phần, còn 1 phần là công sức đã đóng góp bảo quản duy tu tài sản của bị đơn Ngô Thị Kim F và các con của bà F và ông Trần Hữu H1;

Cụ thể thỏa thuận chia như sau: Giao tài sản là nhà đất số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Trần Thị Mộng Đ nhận và bà Đ phải chịu trách nhiệm trả cho 4 người còn lại mỗi người 1/6 giá trị tài sản bằng số tiền là 612.000.000 đồng, cụ thể trả cho:

1. Những người thừa kế của ông Trần Văn Th là: Trần Thị Phương A, Trần Mỹ Lộc B, Trần Mỹ C, Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E.

2. Những người thừa kế của bà Trần Thị Ph là: bà Nguyễn Thị Ngọc G, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh N, ông Nguyễn Mạnh Z, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim S.

3. Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc).

4. Bà Trần Thị Ánh Q.

Ngay khi bà Trần Thị Mộng Đ trả đủ tiền cho 4 sở hữu chung nêu trên, bà Trần Thị Ánh Q phải giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002 do bà Trần Thị Ánh Q đại diện thừa kế đứng tên, cho bà Trần Thị Mộng Đ. Bà Trần Thị Mộng Đ được quyền liên hệ cơ quan chức năng để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất này.

Trường hợp trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Bà Trần Thị Mộng Đ không thực hiện trả đủ số tiền trên thì buộc bà Ngô Thị Kim J, Trần Thị Mai J, Trần Thị Mai P, Trần Thị Mộng Đ, Trần Thị Mộng Y (và những người đang cư trú ở nhà đất này tại thời điểm thi hành án-nếu có) phải giao nhà đất số 89/15 X, Phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan thi hành án thực hiện thủ tục bán đấu giá tài sản theo quy định chung về thi hành án. Số tiền thu được, sau khi chi trả các khoản chi phí theo quy định pháp luật, sẽ được chia làm 06 phần cho: Bà Ngô Thị Kim F cùng các con (của bà F với ông Trần Hữu H1) là Trần Thị Mai J, Trần Thị Mai P, Trần Thị Mộng Đ, Trần Thị Mộng Y hưởng 2/6; Những người thừa kế của ông Trần Văn Th là Trần Thị Phương A, Trần Mỹ Lộc B, Trần Mỹ C, Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E hưởng 1/6; Những người thừa kế của bà Trần Thị Ph là bà Nguyễn Thị Ngọc G, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh N, ông Nguyễn Mạnh Z, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim S hưởng 1/6; Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc) hưởng 1/6; Bà Trần Thị Ánh NgQuyết hưởng 1/6. Trường hợp này bà Trần Thị Ánh Q phải giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 1378/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 04/12/2002 do bà Trần Thị Ánh Q đại diện thừa kế đứng tên, cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành bản án.

Chi phí tố tụng: 17.696.304 đồng do nguyên đơn đã tạm ứng, nay 4 sở hữu chung nêu trên (gồm Những người thừa kế của ông Trần Văn Th; Những người thừa kế của bà Trần Thị Ph; Ông Trần Ngọc L (Tran Lam Ngoc); Bà Trần Thị Ánh Q) mỗi suất phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.539.200 đồng (làm tròn số).

3. Án phí sơ thẩm:

- Những người thừa kế của ông Trần Văn Th gồm: Trần Thị Phương A, Trần Mỹ Lộc B, Trần Mỹ C, Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E liên đới chịu số tiền án phí là 28.480.000 đồng.

- Những người thừa kế của bà Trần Thị Ph gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Mạnh N, ông Nguyễn Mạnh Z, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim S liên đới chịu số tiền án phí là 28.480.000 đồng.

- Miễn án phí cho ông Trần Ngọc L, bà Ngô Thị Kim F và Trần Thị Ánh Q. Trả lại cho ông Trần Ngọc L số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Biên lai AB/2011/04378 ngày 15/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn trên tính từ ngày được tổng đạt bản án; đối với đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa gồm: Trần Mỹ I, Trần Thị Bích E thì thời hạn kháng cáo là một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng